

Số: **305**/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **26** tháng **4** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
V/v hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại cơ sở giáo dục đại học;

Xét đơn, hồ sơ xin hỗ trợ chi phí học tập của sinh viên;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2021 cho 8 sinh viên khoá 61, 62, 63, 64, 65 hệ chính quy và Chương trình tiên tiến K7 (có danh sách kèm theo) với tổng số tiền là: **35.760.000đ (Ba mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).**

Điều 2: Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận: 

- BGH (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: HCTH; CTSV₍₁₀₎.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH HỒ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: **305** /QĐ-MĐC ngày **26** tháng **4** năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	Khoa	Đổi tượng	Số tiền/tháng (đồng)	Số tháng được hưởng	Thành tiền(đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
1	1821050412	Phùng Hiệu Uy	9/10/2000	CNTT B K63	K63	CNTT	CNgh	894.000	5	4.470.000	21510002472859	BIDV	Cầu Giấy
2	1621010189	Trương Việt Hoàng	11/6/1998	Địa vật lý K61	K61	Dầu khí	CNgh	894.000	5	4.470.000	21510001929255	BIDV	Cầu Giấy
3	1924011040	Nguyễn Thị Thín	9/5/2001	Kế toán A K64	K64	Kinh tế và QTKD	CNgh	894.000	5	4.470.000	21510002941924	BIDV	Cầu Giấy
4	2024011455	Hoàng Thị Hằng	12/1/2002	Kế toán A K65	K65	Kinh tế và QTKD	CNgh	894.000	5	4.470.000	8307205074842	Agribank	Nguyễn Bình
5	1724010346	Bùi Thu Huyền	25/6/1998	QTKD K62B	K62	Kinh tế và QTKD	CNgh	894.000	5	4.470.000	21510002181650	BIDV	Cầu Giấy
6	1721060410	Hoàng Văn Diên	11/5/1998	Công nghệ CTM K62	K62	Cơ điện	CNgh	894.000	5	4.470.000	21510002190638	BIDV	Cầu Giấy
7	1924010446	Quách Xuân Diệu	3/1/2001	Kinh tế B K64	K64	Kinh tế và QTKD	CNgh	894.000	5	4.470.000	21510002939123	BIDV	Cầu Giấy
8	1621010366	Lê Anh Đức	9/26/1998	CTTT K7	K7	CTTT	CNgh	894.000	5	4.470.000	102003662435	Vietcombank	Tây Hồ
Tổng										35.760.000			

Số tiền (bằng chữ): Ba mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng. /.

Ghi chú

LS: Con Liệt sỹ

CBB: Con bệnh binh

CTB: Con thương binh

CNTB: con của người được hưởng chính sách như thương binh

HNgh: sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo

CNgh: sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo

MC: sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa

KhT: sinh viên bị khuyết tật có khó khăn về kinh tế

KK: sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó trong học tập

TNLD: sinh viên có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên

BNN: sinh viên có cha hoặc mẹ bị mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên

DBKK: sinh viên là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Ban Giám hiệu

Phòng Kế hoạch Tài chính

Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên

Hà Nội, ngày **23** tháng **4** năm 2021

Người lập biểu